

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 05/2024/DS - ST

Ngày 31 tháng 01 năm 2024.

*“V/v tranh chấp đòi tiền
theo hợp đồng thi công”*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Đông, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Tiến, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2023/TLST-DS ngày 12/10/2023 về việc *“Tranh chấp đòi tiền theo hợp đồng thi công”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST – DS ngày 09/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST – DS ngày 24/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn H,

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Đậu Thị L.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Văn S.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

(Những người này vắng mặt không có lý do)

-Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

+Anh Phan Thanh B, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn C Điện Biên, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/08/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Văn H trình bày:*

Bà Đậu Thị L có thuê tôi xây dựng ngôi nhà tại thôn C, xã E, huyện E với giá tiền công xây dựng là 1.000.000 đồng/m²/diện tích xây dựng tính theo phần mái đổ bê

tông, trong đó có công trình phụ và hầm rút. Ngày 06/04/2023 tôi và bà Đậu Thị L có ký hợp đồng xây nhà với sự chứng kiến của nhiều người làm công (Hợp đồng chúng tôi lập có 01 bản do bà Đậu Thị L giữ)

Do ngôi nhà của bà Đậu Thị L thuê tôi xây dựng không có bản vẽ, thiết kế nên bà Đậu Thị L lấy mẫu ngôi nhà của người khác để xây. Diện tích ngôi nhà tôi xây cho bà Đậu Thị L gồm: 01 Phòng khách, 01 phòng ăn, 01 phòng thờ và 03 phòng ngủ, 01 nhà tắm, vệ sinh chung và phần hầm tự hoại. Mặc dù giữa tôi và bà Đậu Thị L không thỏa thuận với nhau về diện tích xây dựng cụ thể trong hợp đồng, mà khi xây dựng ngôi nhà hoàn thành thì tôi và bà Đậu Thị L sẽ đo đạc thực tế diện tích xây dựng để tính tiền công. Sau khi xây xong ngôi nhà cho bà Đậu Thị L, nhiều lần tôi có đến gặp và yêu cầu bà Đậu Thị L đo đạc cụ thể diện tích tôi xây dựng để tính toán tiền công và bàn giao công trình, nhưng bà Đậu Thị L, anh Đinh Văn S trốn tránh không gặp, khi gặp thì lấy lý do này khác không cho đo, nên chúng tôi không thể tiến hành bàn giao diện tích tôi xây dựng.

Ngày 19/12/2013 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành đo đạc kiểm tra tại chỗ diện tích tôi xây dựng bên ngoài ngôi nhà là 188m², nhưng do tôi khởi kiện đòi tiền công diện tích là 180m² nên tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu mà không thay đổi.

Trong thời gian thi công xây nhà, bà Đậu Thị L cho tôi ứng 05 lần với tổng số tiền là 133.000.000 đồng. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Đậu Thị L phải có trách nhiệm thanh toán cho tôi số tiền còn lại là 47.000.000 đồng. *(Bốn mươi bảy triệu đồng chẵn)*

** Bị đơn bà Đậu Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn S vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, nên không ghi nhận được ý kiến.*

**Người làm chứng:*

1- *Chị Nguyễn Thị T trình bày:* Khoảng tháng 4/2023 ông Phan Văn H có kêu tôi phụ công để xây nhà cho bà Đậu Thị L, tôi có mặt và làm việc từ khi khởi công cho đến khi công trình hoàn thiện. Trong thời gian ông Phan Văn H xây nhà cho bà Đậu Thị L, thì hàng ngày tôi thấy bà Đậu Thị L và người nhà bà L có mặt để coi và giám sát công trình, tôi không thấy ai phản nầy hay có ý kiến gì về kích thước, kỹ thuật trong khi xây ngôi nhà. Sau khi ông Phan Văn H xây xong, nhà bà L đã đưa vào sử dụng, nhưng không thấy ông H thanh toán tiền công, tôi có hỏi thì bà Đậu Thị L nói kiêng không cho đo, nên các bên không thanh toán tiền công được.

2- *Anh Nguyễn Văn V trình bày:* Tháng 4/2023 ông Phan Văn H có nhận công xây nhà bà Đậu Thị L, có kêu tôi và một số người làm công cho ông H. Ngày 06/4/2023 khi chúng tôi đến làm thì thấy ông H và bà L làm giấy tờ cam kết để xây dựng nhà theo mẫu sẵn, sau khi lập xong giấy tờ tôi thấy ông H đọc cho mọi người nghe và ông H, bà L ký vào giấy này, còn nội dung cụ thể tôi không nắm rõ. Trong thời gian tôi làm công cho ông H tại nhà bà L thì hàng ngày tôi vẫn thấy bà L và người nhà bà L có mặt để giám sát, xong từng hạng mục đạt yêu cầu thì chuyển sang làm công việc tiếp theo, tôi chỉ làm công cho ông H xong phần thô của ngôi nhà thì nghỉ. Hiện nay tôi thấy gia đình bà L đã đưa ngôi nhà vào sử dụng, nhưng ông H chưa thanh toán tiền công cho tôi, lý do bà L chưa thanh toán tiền công cho ông H tôi không được biết.

3- Anh Phan Thanh B trình bày: Tôi được ông Phan Văn H kêu làm công xây nhà cho bà Đậu Thị L từ ngày khởi công làm móng, trong thời gian thi công thì tôi không thấy điều gì khúc mắc giữa thợ và chủ. Đến ngày hoàn thiện ngôi nhà, ông H yêu cầu bà L đo đạc diện tích xây dựng để thanh toán tiền công theo hợp đồng giữa hai bên, nhưng bà L không cho đo và tìm cách tránh mặt.

Phản tranh luận

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Đậu Thị L phải trả cho ông Phan Văn H số tiền còn nợ là 47.000.000 đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến:

-*Về tố tụng*: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều từ Điều 70 đến Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

-*Về nội dung*: Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, tại phiên tòa, sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 351; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đậu Thị L phải trả cho ông Phan Văn H số tiền công còn nợ là 47.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. *Xét về tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp đòi tiền theo hợp đồng thi công*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời điểm ông Phan Văn H khởi kiện, bị đơn bà Đậu Thị L cư trú tại: xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn bà Đậu Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt những người này.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về diện tích xây dựng.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H, cùng các chứng cứ tài liệu, đã thu thập có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Ngày 06/4/2023, ông Phan Văn H có ký hợp đồng xây cho bà Đậu Thị L 01 ngôi nhà cấp 4 với giá tiền công xây dựng theo thỏa thuận là 1.000.000 đồng/m²/diện tích xây dựng tính theo phần mái đổ bê tông và phần diện tích công trình phụ và hầm rút là có thực. Việc này được các bên đương sự thừa nhận trong biên bản ngày 25/9/2023 (BL 15).

Mặc dù, bà Đậu Thị L cho rằng, lý do không thanh toán số tiền công còn lại 47.000.000 đồng cho ông Phan Văn H là do ông H xây nhà thấp, tường nhà bị nứt,

móng nhà bị lệch và một số phần việc chưa hoàn thành...nhưng bà L không đến làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích công trình ông Phan Văn H xây dựng, nhưng bà L không hợp tác, nên Tòa án nhân dân huyện Ea Kar chỉ tiến hành đo đạc diện tích bên ngoài ngôi nhà. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/12/2023, tổng diện tích ngôi nhà xây dựng theo thỏa thuận là 188m² (BL 50, 51). Tại đơn khởi kiện, tại phiên tòa ông Phan Văn H chỉ yêu cầu bà Đậu Thị L phải trả tiền công xây dựng với diện tích là 180m². Xét thấy yêu cầu này của ông Phan Văn H là tự nguyện, cần chấp nhận.

[2.2] Về tiền công: Ông Phan Văn H thừa nhận, trong quá trình xây nhà cho bà Đậu Thị L. Căn cứ vào phương thức thanh toán theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng, ông Phan Văn H đã ứng của bà L 05 lần tổng cộng là 133.000.000 đồng, số tiền bà Đậu Thị L còn nợ là 47.000.000 đồng (Tương ứng với diện tích 180m²)

[2.3] Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Đậu Thị L biết yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H. Mặc dù bà Đậu Thị L biết nội dung khởi kiện của ông Phan Văn H đối với bà Đậu Thị L, do bà L đã từ chối nhận các văn bản tố tụng, không đến làm việc, không nêu lý do vắng mặt và cũng không cung cấp chứng cứ, tài liệu để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình và phản đối lại các yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H. Nên bị đơn, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc vắng mặt của mình.

Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản,...mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó phải chứng minh”*. Do đó, ông Phan Văn H khởi kiện buộc bà Đậu Thị L phải trả số tiền công còn nợ lại là 47.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông Phan Văn H có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và đã nộp chi phí là 1.700.000 đồng. Tại phiên tòa ông Phan Văn H tự nguyện chịu chi phí này. Xét việc này là tự nguyện, nên cần chấp nhận.

[4] Xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn H được chấp nhận, nên buộc bà Đậu Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối số tiền phải trả. Ông Phan Văn H là đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đề cập xử lý trong bản án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227, 278; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 351; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H.

Buộc bà Đậu Thị L trả cho ông Phan Văn H số tiền 47.000.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu đồng chẵn*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận việc ông Phan Văn H tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.700.000 đồng. Đã xử lý xong ông Phan Văn H không phải nộp thêm.

Về án phí: Buộc bà Đậu Thị L phải nộp 2.350.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (*Theo mức 47.000.000 đồng x 5%*).

Ông Phan Văn H là đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí, nên không xem xét xử lý trong bản án.

Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Thi hành án DS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuân